

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ 01/01/2019 tới ngày 30/06/2019

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 7
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	12 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

3. Trụ sở

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 – 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THANH SƠN

Số: 95 /2019/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của tất cả các Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019. Khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trên Báo cáo hợp nhất đang được phản ánh theo Phương pháp giá gốc thay vì Phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định.

Báo cáo tài chính của các công ty con bao gồm: Công ty CP Thủy Tạ, Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi, Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm, Công ty CP Rượu Hapro, Công ty CP XNK Thủ công mỹ nghệ và Du lịch thương nhân Hapro, Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội, Công ty CP Sự kiện và Ẩm thực Hapro chưa được kiểm toán, chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty chưa bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm (Tổng Công ty nắm trực tiếp 42,33% vốn và quyền biểu quyết, gián tiếp qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội 19,10% vốn và 37,04% quyền biểu quyết).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục VIII.7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: “Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp nhà nước.”

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/06/2018 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chưa được soát xét bởi kiểm toán viên độc lập và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc:

“Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/06/2018 của Tổng Công ty chưa được kiểm toán, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ và những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thu thập đầy đủ được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết gồm Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội, Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm, Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng, Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ, Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước, Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam), Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội, Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi, Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội, Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro, Công ty TNHH TMDV

Nghĩa Đô, Công ty CP Đầu tư Xuân Thủy tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trên Báo cáo hợp nhất đang được phản ánh theo Phương pháp giá gốc thay vì Phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Phân phối Hapro, Công ty Cổ phần thông tin Hapro, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội, Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội, Báo cáo tài chính Quý 3/2018 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chưa được kiểm toán;

Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (Tổng Công ty nắm trực tiếp 42,33% vốn và quyền kiểm soát, gián tiếp qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội 19,10% vốn và 37,04% quyền kiểm soát) là Công ty con của Tổng Công ty. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty con nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 theo Phương pháp giá gốc. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 của Tổng Công ty;

Báo cáo tài chính của các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, Công ty cổ phần ĐTTM & Dịch vụ Chợ Bưởi, Công ty Cổ phần Rượu Hapro, Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu chưa được kiểm toán, Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty”.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.550.277.980.278	1.918.685.864.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	126.312.856.302	224.765.595.328
1. Tiền	111		109.112.856.302	146.014.444.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.200.000.000	78.751.150.828
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		212.706.075.093	283.041.328.767
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6.1	212.706.075.093	283.041.328.767
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.068.583.254.113	1.184.850.320.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	311.985.626.638	418.266.796.936
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		495.960.767.711	480.079.668.362
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	120.817.572.267	145.116.309.159
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	135.365.274.462	135.077.364.893
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.158.000.014)	(200.000.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	6.612.013.049	6.510.181.637
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	113.103.041.312	199.936.491.757
1. Hàng tồn kho	141		114.505.092.712	200.474.176.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.402.051.400)	(537.684.965)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.572.753.458	26.092.128.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	14.341.899.745	12.115.457.541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.041.896.998	11.241.044.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	1.173.956.715	2.729.626.030
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		15.000.000	6.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.215.917.949.413	2.264.480.623.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.397.265.726	16.722.931.483
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.2	12.260.204.730	14.480.287.365
2. Trả trước cho người bán dài	212		90.000.000	90.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	2.168.396.378	2.248.979.500
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(121.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	220		746.347.943.608	796.953.892.396
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	684.790.442.106	716.875.724.431
- Nguyên giá	222		1.033.775.048.411	1.064.265.654.384
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(348.984.606.305)	(347.389.929.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61.557.501.502	80.078.167.965
- Nguyên giá	228		65.375.620.380	83.649.728.390
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.818.118.878)	(3.571.560.425)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	125.733.878.593	127.886.559.433
- Nguyên giá	231		150.459.769.487	150.459.769.487
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(24.725.890.894)	(22.573.210.054)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	801.260.840.560	721.976.283.609
1. Chi phí SXKD dở dang dài	241	V.11.1	451.241.573.363	450.896.685.492
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.2	350.019.267.197	271.079.598.117
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	280.428.370.027	326.044.784.206
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6.2	203.980.541.601	267.629.803.378
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.6.3	76.447.828.426	58.414.980.828
VI. Tài sản dài hạn khác	260		247.749.650.899	274.896.172.715
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	247.749.650.899	274.896.172.715
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.766.195.929.691	4.183.166.488.756

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Tiếp theo)

B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.367.634.514.947	1.756.733.986.317
I. Nợ ngắn hạn	310		1.026.646.860.881	1.416.393.850.173
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.1	76.122.770.047	91.200.441.939
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.246.009.888	14.777.280.189
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	25.006.043.783	19.082.450.602
4. Phải trả người lao động	314		8.480.509.334	13.425.990.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	21.327.193.711	3.349.808.362
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	18.231.920.309	10.831.529.252
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	57.408.520.937	274.974.876.138
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	781.303.061.229	972.297.797.206
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.520.831.643	16.453.676.190
II. Nợ dài hạn	330		340.987.654.066	340.340.136.144
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13.2	18.027.503.185	19.773.253.570
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		79.522.949.988	79.522.949.988
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16	8.919.671.660	8.919.671.660
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	74.212.221.674	76.048.667.678
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	135.941.729.557	134.876.489.961
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	24.363.578.002	21.199.103.287
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.398.561.414.744	2.426.432.502.439
I. Vốn chủ sở hữu	410	V19	2.398.561.414.744	2.426.432.502.439
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.483.502.107	4.483.502.107
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.20	20.837.741.566	12.986.788.222
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.186.657.116	4.651.738.638
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		90.121.769	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.614.159.959)	(18.275.847.980)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(56.313.748.717)	(33.608.194.632)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.699.588.758	15.332.346.652
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		209.577.552.145	222.586.321.452
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.766.195.929.691	4.183.166.488.756

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







NGUYỄN THU HẰNG

ĐINH HỒNG QUANG

VŨ THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

B 02a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	1.420.962.253.525	2.478.865.717.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.21	17.314.481.359	12.188.992.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21	1.403.647.772.166	2.466.676.725.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	1.211.161.730.426	2.229.234.691.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		192.486.041.740	237.442.033.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	46.220.676.688	48.532.563.066
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	36.647.364.080	39.059.559.331
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.642.212.069	35.492.273.466
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(896.663.588)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.25	96.313.720.498	129.527.475.299
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.25	85.450.392.411	104.027.985.620
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.398.577.851	13.359.575.949
12. Thu nhập khác	31	VI.26	5.980.077.648	8.630.296.140
13. Chi phí khác	32	VI.26	703.008.360	4.812.602.093
14. Lợi nhuận khác	40		5.277.069.288	3.817.694.047
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.675.647.139	17.177.269.996
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27.1	4.419.706.354	1.760.465.234
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.255.940.785	15.416.804.762
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.699.588.758	12.775.866.318
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.556.352.027	2.640.938.444
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.28	71,36	58,07

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc







NGUYỄN THU HẰNG

ĐINH HỒNG QUANG

VŨ THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

B 03a - DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.675.647.139	17.177.269.996
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.993.915.645	16.620.423.802
- Các khoản dự phòng	03	2.847.366.449	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(658.486.892)	(845.168.546)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.753.046.862)	(2.556.400.386)
- Chi phí lãi vay	06	29.642.212.069	35.492.273.466
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(5.532.775.716)	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	18.214.831.832	65.888.398.332
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	94.671.887.740	(294.894.250.631)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	85.969.084.010	(115.761.493.237)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(245.126.412.447)	604.715.434.802
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	24.920.079.612	(13.290.881.428)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.642.212.069)	35.492.273.466
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.048.500.380)	(1.972.663.243)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	491.435.742.084
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(472.844.547)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(53.514.086.249)	771.612.560.145
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(30.519.842.968)	(5.404.345.132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	834.920.000	280.635.782
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(140.032.115.024)	(23.695.031.819)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	238.883.307.925	136.507.212.236
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	65.741.501.700	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.610.248.397	2.556.400.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	142.518.020.030	110.244.871.453
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.407.248.889.444	1.414.131.137.543
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.595.079.150.706)	(2.381.146.525.843)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.986.614.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(187.830.261.262)	(972.002.002.300)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(98.826.327.481)	(90.144.570.702)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	224.765.595.328	412.738.896.442
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	373.588.455	845.168.546
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	126.312.856.302	323.439.494.286

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Uang

mmk



NGUYỄN THU HÀNG

ĐINH HỒNG QUANG

VU THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 30 ngày 29/06/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất của Tổng Công ty đến ngày 30/06/2019 là 2.200.000.000.000 đồng, tương đương 220.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần 10.000VND/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xay sát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhập khẩu ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Tổng Công ty có các Công ty con gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	83,42%	83,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ Chợ Bưởi	62,00%	62,00%	Chợ Bưởi, phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	KCN Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi	53,33%	53,33%	Số 12-14, Tràng Thi, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân	52,50%	52,50%	Số 11B, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	51,57%	51,57%	Số 24 - 26, Trần Nhật Duật, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	51,25%	51,25%	Số 1- 6 Lê Thái Tổ - phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
8	Công ty Cổ phần Sự kiện và Ẩm thực Hapro	51,00%	51,00%	Số nhà 172 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
9	Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm (*)	61,43%	61,43%	KCN Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội

- (1) Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105384642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2011, thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 61.591.000.000 đồng (Sáu mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu đồng), được chia thành 6.159.100 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (2) Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ chợ Bưởi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.000.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ đồng), được chia thành 4.700.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

- (3) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (4) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 1993, thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 10 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 135.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 13.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (5) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (6) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010016803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (7) Công ty Cổ phần Thủy Tạ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 09 ngày 07 tháng 08 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (8) Công ty Cổ phần Sự kiện và Ẩm thực Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104175117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (9) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

- (*) Tổng Công ty nắm trực tiếp 42,33% vốn và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm gián tiếp qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội 19,10% vốn và 37,04%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

quyền biểu quyết nên Công ty Cổ phần SXKD Gia súc gia cầm trở thành Công ty con của Tổng công ty.

Tổng Công ty có các Công ty Liên kết gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	40,00%	40,00%	Số 3/191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	31,19%	Số 47, Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	33,42%	33,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương
6	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Tầng 6, toà nhà Hapro, 11B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ	26,99%	26,99%	Số nhà 68, phố Bạch Đằng, phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ
8	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội
9	Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	20,00%	20,00%	Tổ 4, ấp Thuận Hải, Thuận Phú, Đồng Phú, Bình Phước
10	Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	35,00%	35,00%	Số 8, phố Phạm Ngọc Thạch, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
11	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Liên hiệp XNK và Đầu tư Hà Nội	20,15%	20,15%	Unimex Hanoi Building, 41 Ngô Quyền, Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Ong mật Hà Nội	20,00%	20,00%	80 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
14	Công ty Cổ phần Khách sạn Tráng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Tráng Thi, Hàng Trống, Hoàn Kiếm
15	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Phòng 1602 VP3, Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	20,00%	20,00%	KCN thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
17	Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	25,5%	25,5%	Số 11B Cát Linh, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
18	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

(1) Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101275603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.500.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng), được chia thành 4.050.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 24.800.000.000 đồng (Hai mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng), được chia thành 248.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000đ/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 03 ngày 11 tháng 04 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(7) Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

(8) Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(10) Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100818984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 1998, thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 21.000.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ đồng), được chia thành 2.100.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(11) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 02 ngày 18 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

(12) Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 03 ngày 04 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng), được chia thành 20.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(13) Công ty Cổ phần Ong mật Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106219994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2013, thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), được chia thành 500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(14) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(15) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(16) Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103828564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), được chia thành 200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(17) Công ty Cổ phần Phân phối Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104600241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

(18) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000đ/cổ phần.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	11B Cát Linh – Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 – Giảng Võ – Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	11B Cát Linh - Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối - Đông Anh - Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Đền Lừ - Hoàng Mai - Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47 - Đông Anh - Hà Nội
7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77 – 79 - Phó Đức Chính - Quận 1 - Hồ Chí Minh
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B - Tân Dương - Lai Vung - Đồng Tháp
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Thôn Trại - Dị Sử - Mỹ Hào - Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (Công ty mẹ), và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất với Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trên Báo cáo hợp nhất đang được phản ánh theo Phương pháp giá gốc

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

III. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--|-------------------------------|
| - Hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền tháng |
| - Các công trình xây dựng | Thực tế đích danh |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Tại ngày 30/06/2019, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 - 08 năm
-------------------	-------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là bất động sản do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Tổng Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá trị khối lượng xây lắp bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

18. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, khấu hao TSCĐ, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Tổng Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

20. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ thông thường của Tổng Công ty là 5% hoặc 10%.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu là 0%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a-HN/DN

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tổng Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Bắc và miền Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	4.956.369.938	10.409.236.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	103.653.419.119	129.909.265.967
Tiền đang chuyển	503.067.245	5.695.941.839
Các khoản tương đương tiền	17.200.000.000	78.751.150.828
Cộng	126.312.856.302	224.765.595.328

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Phân Phối Hapro	27.874.564.063	28.385.421.785
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng	4.583.760.250	3.938.773.726
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	52.676.464.095	51.584.418.510
Công ty TNHH MTV - TCT lương thực Miền Nam	-	5.926.617.147
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Điều Việt Hà	9.576.645.884	12.159.034.849
VITAL FRESH GENERAL TRADING LLC	10.862.991.950	10.862.991.950
Frumesa SL	10.374.657.800	
Phải thu đối tượng khác	196.036.542.596	305.409.538.969
Cộng	311.985.626.638	418.266.796.936

2. Phải thu khách hàng (Tiếp theo)

2.2 Phải thu của khách hàng dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	5.826.128.000	5.826.128.000
Công ty Cổ phần Vinh Gia Lương	1.016.249.040	1.016.249.040
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	570.581.874	570.581.874
Công ty Cổ Phần ĐT và TM Nguyễn Hoàng Phát	669.314.475	553.041.225
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh thái Hapro	360.780.376	360.780.376
Công ty TNHH Dững Thủy	2.227.488.345	2.227.488.345
Đối tượng khác	1.589.662.620	3.926.018.505
Cộng	12.260.204.730	14.480.287.365

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP phân phối Hapro
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng thương mại Hà Nội
Đối tượng khác

30/06/2019

01/01/2019

14.875.954.359
71.642.263.108
34.299.354.800
120.817.572.267

14.875.954.359
79.046.000.000
51.194.354.800
145.116.309.159

4. Các khoản phải thu khác

4.1 Phải thu khác ngắn hạn

Tạm ứng
Ký cược, ký quỹ
Phải trả người lao động
Phải trả khác dư nợ
Nguyễn Quốc Hùng
Công ty CP Phân phối Hapro
Tiền thuê đất 55 Mã Mây
AI Maya Group
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng nhà đất
Sở tài chính Hà Nội
New West Zone Supermarket
Đối tượng khác
Cộng

4.2 Phải thu khác dài hạn

Ký cược, ký quỹ
Phải thu khác
Cộng

30/06/2019

01/01/2019

14.516.092.244
350.000.000
11.465.881
901.912.644
2.191.984.415
1.100.795.813
1.081.830.294
149.899.070
6.000.000.000
38.508.516.474
-
70.552.777.627
135.365.274.462

10.740.198.751
1.979.477.437
-
-
2.209.984.415
1.100.795.813
841.423.562
1.788.337.500
6.000.000.000
38.508.516.474
1.669.582.875
70.239.048.066
135.077.364.893

30/06/2019

01/01/2019

2.168.396.378
-
2.168.396.378

1.801.828.742
447.150.758
2.248.979.500

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

30/06/2019

01/01/2019

Số lượng
Giá trị

Số lượng
Giá trị

Tiền
Hàng tồn kho
Cộng

-
-
-

-
6.612.013.049
6.612.013.049

-
-
-

-
6.510.181.637
6.510.181.637

6. Các khoản đầu tư tài chính

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

30/06/2019

01/01/2019

Giá gốc
Giá trị ghi sổ

Giá gốc
Giá trị ghi sổ

Ngắn hạn
- Tiền gửi ngân hàng
Cộng

212.706.075.093
212.706.075.093
212.706.075.093

212.706.075.093
212.706.075.093
212.706.075.093

283.041.328.767
283.041.328.767
283.041.328.767

283.041.328.767
283.041.328.767
283.041.328.767

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

6.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Gốm Chu Đậu	5.928.819.330	(*)	-	(*)
Công ty CP Vang Thăng Long	38.442.196.399	(*)	-	(*)
Công ty CP Phát triển Thương mại Hà Nội	7.489.637.563	(*)	38.442.196.399	(*)
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	-	(*)	7.489.637.563	(*)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	12.747.013.154	(*)	12.837.966.445	(*)
Công ty CP KD XNK An Phú Hưng	4.000.000.000	(*)	12.747.013.154	(*)
Công ty CP Phân phối Hapro	(579.352.105)	(*)	4.000.000.000	(*)
Công ty CP Thông tin Hapro	753.694.121	(*)	(579.352.105)	(*)
Công ty CP Thương mại Miền núi Phú Thọ	1.081.489.581	(*)	753.694.121	(*)
Công ty CP Thương mại Đầu tư Long Biên	8.422.534.361	(*)	1.081.489.581	(*)
Công ty CP SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	5.703.839.225	(*)	8.422.534.361	(*)
Công ty CP Siêu thị VHSC (Việt Nam)	11.982.262.530	(*)	5.703.839.225	(*)
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	17.224.410.646	(*)	11.982.262.530	(*)
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	-	(*)	18.121.074.234	(*)
Công ty CP Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	21.214.142.441	(*)	55.703.451.074	(*)
Công ty CP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	40.514.157.758	(*)	21.214.142.441	(*)
Công ty CP Ong Mật Hà Nội	1.130.645.063	(*)	40.514.157.758	(*)
Công ty CP Khách sạn Tràng Thi	3.000.000.000	(*)	1.130.645.063	(*)
Công ty CP Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	1.304.537.179	(*)	3.000.000.000	(*)
Công ty TNHH TMDV Nghĩa Đô	6.457.320.775	(*)	1.304.537.179	(*)
Công ty CP Đầu tư Xuân Thủy	16.662.546.821	(*)	6.457.320.775	(*)
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	-	(*)	16.662.546.821	(*)
Công ty CP Âm thực Hà Nội	500.646.759	(*)	140.000.000	(*)
Cộng	203.980.541.601		500.646.759	(*)
			267.629.803.378	

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

6.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên đơn vị	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	(*)	-	(*)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	(*)	1.295.000.000	(*)
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	18.256.826.989	(*)	-	(*)
Công ty CP Sữa Hà Nội	780.000.000	(*)	780.000.000	(*)
Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol	6.600.000.000	(*)	6.600.000.000	(*)
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	22.973.117.966	(*)	22.973.117.966	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại COINTRÀ	1.000.000.000	(*)	1.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền	10.065.485.897	(*)	10.065.485.897	(*)
Công ty CP SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	(*)	5.818.871.221	(*)
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	(*)	5.550.000.000	(*)
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	2.014.246.551	(*)	2.014.246.551	(*)
Công ty CP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	121.230.548	(*)	121.230.548	(*)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hệ thống Phân phối Việt Nam	-	(*)	223.979.391	(*)
Công ty CP SX CBTP Hà Nội	1.073.049.254	(*)	1.073.049.254	(*)
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	(*)	100.000.000	(*)
Đối tượng khác	800.000.000	(*)	800.000.000	(*)
Cộng	76.447.828.426		58.414.980.828	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.688.817.723	537.472.828	23.094.065.046	537.684.965
Công cụ dụng cụ	456.137.250	-	4.383.827.091	-
Chi phí SXKD dở dang	1.566.034.322	-	2.920.977.069	-
Thành phẩm	8.360.222.481	-	25.057.385.096	-
Hàng hoá	90.053.654.296	864.578.572	106.437.886.722	-
Hàng hóa bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Hàng gửi đi bán	161.486.383	-	37.369.102.365	-
Hàng mua đang đi đường	7.806.924	-	-	-
Cộng	114.505.092.712	1.402.051.400	200.474.176.722	537.684.965

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	537.472.828	537.684.965
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	864.578.572	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	1.402.051.400	537.684.965

8. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.341.899.745	12.115.457.541
- Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	14.341.899.745	12.115.457.541
Chi phí trả trước dài hạn	247.749.650.899	274.896.172.715
- Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	203.418.803.669	227.714.892.855
Giá trị lợi thế thương mại	44.330.847.230	47.181.279.860
Cộng	262.091.550.644	287.011.630.256

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2019	910.635.689.683	107.269.879.398	32.059.317.755	9.062.477.235	5.238.290.313	1.064.265.654.384
Mua trong kỳ	181.818.182	537.705.455	-	-	-	719.523.637
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	551.817.486	5.712.481.153	1.107.790.118	805.330.755	-	8.177.419.512
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(594.294.297)	(594.294.297)	(2.254.631.818)	-	-	(2.848.926.115)
Giảm khác	(26.130.633.810)	(6.309.114.497)	(3.984.504.200)	-	(114.370.500)	(36.538.623.007)
Tại ngày 30/06/2019	885.238.691.541	106.616.657.212	26.927.971.855	9.867.807.990	5.123.919.813	1.033.775.048.411
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2019	255.628.758.975	65.631.524.224	19.618.612.992	5.101.157.176	1.409.876.586	347.389.929.953
Khấu hao trong kỳ	15.707.583.928	2.660.167.347	1.225.553.719	360.486.866	19.490.406	19.973.282.266
Tặng khác	430.679.884	1.456.861.518	1.038.235.239	615.428.804	-	3.541.205.445
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(594.294.297)	(594.294.297)	(1.471.672.513)	-	-	(2.065.966.810)
Giảm khác	(13.048.300.074)	(4.360.685.501)	(2.260.785.445)	(69.703.029)	(114.370.500)	(19.853.844.549)
Tại ngày 30/06/2019	258.718.722.713	64.793.573.291	18.149.943.992	6.007.369.817	1.314.996.492	348.984.606.305
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	655.006.930.708	41.638.355.174	12.440.704.763	3.961.320.059	3.828.413.727	716.875.724.431
Tại ngày 30/06/2019	626.519.968.828	41.823.083.921	8.778.027.863	3.860.438.173	3.808.923.321	684.790.442.106

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	80.997.834.960	2.519.393.430	132.500.000	83.649.728.390
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	936.116.103	-	936.116.103
Giảm khác	(18.721.824.113)	(388.400.000)	(100.000.000)	(19.210.224.113)
Tại ngày 30/06/2019	62.276.010.847	3.067.109.533	32.500.000	65.375.620.380
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	1.644.375.063	1.831.873.557	95.311.805	3.571.560.425
Khấu hao trong kỳ	164.259.600	168.735.696	1.624.998	334.620.294
Tăng khác	-	341.664.023	-	341.664.023
Giảm khác	(307.664.023)	(56.000.000)	(66.061.841)	(429.725.864)
Tại ngày 30/06/2019	1.500.970.640	2.286.273.276	30.874.962	3.818.118.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	79.353.459.897	687.519.873	37.188.195	80.078.167.965
Tại ngày 30/06/2019	60.775.040.207	780.836.257	1.625.038	61.557.501.502

11. Tài sản dở dang dài hạn

11.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	451.241.573.363	451.241.573.363	450.896.685.492	450.896.685.492
Cộng	451.241.573.363	451.241.573.363	450.896.685.492	450.896.685.492

11.2 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019	01/01/2019
Dự án số 5 Nam Bộ	37.441.835.806	38.669.237.142
DA TT Phân phối và mua sắm Hà Nội	44.458.104.465	41.546.929.194
Sửa chữa lớn TSCĐ	106.833.636	-
Dự án 459 Bạch Mai	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án 26 Cao Thắng	17.911.413.039	13.436.176.213
Dự án 253 Phố Vọng	2.068.594.048	2.068.594.048
Công trình trung tâm siêu thị, TM Bắc Qua	45.995.050.094	45.523.929.761
Công trình Tòa nhà thương mại HFC Lãng Yên	4.087.699.795	4.047.903.995
Dự án 47 Cát Linh	10.238.569.667	9.947.155.346
Công trình khác	186.471.896.666	114.600.402.437
Cộng	350.019.267.197	271.079.598.117

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****12. Tăng giảm bất động sản đầu tư****12.1 Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<i>Nhà</i>	<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	116.602.677.233	33.857.092.254		150.459.769.487
Mua bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	116.602.677.233	33.857.092.254		150.459.769.487
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	12.059.285.897	10.513.924.157		22.573.210.054
Khấu hao trong kỳ	1.689.787.458	462.893.382	-	2.152.680.840
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	13.749.073.355	10.976.817.539		24.725.890.894
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	104.543.391.336	23.343.168.097	-	127.886.559.433
Tại ngày 30/06/2019	102.853.603.878	22.880.274.715		125.733.878.593

13. Phải trả người bán**13.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
DG Thompson International Co, Ltd.	1.085.576.245	1.085.576.245	1.589.525.008	1.589.525.008
Fairbothers & Co, Ltd.	2.461.837.776	2.461.837.776	4.010.466.841	4.010.466.841
Công ty TNHH MTV KD & CB lương thực Hương Hạnh	-	-	13.677.000.000	13.677.000.000
Công ty CP Quà tặng năm ngôi sao (V-Stars Gifts)	-	-	622.527.424	622.527.424
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	2.196.851.910	2.196.851.910	4.711.769.883	4.711.769.883
Đối tượng khác	51.694.960.644	51.694.960.644	63.921.779.733	63.921.779.733
Công ty Nguyễn Kim	14.814.046.352	14.814.046.352	-	-
Công ty CP Intimex Việt Nam	2.667.373.050	2.667.373.050	2.667.373.050	2.667.373.050
Công ty TNHH bán lẻ BRG	1.202.124.070	1.202.124.070	-	-
Cộng	76.122.770.047	76.122.770.047	91.200.441.939	91.200.441.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****13. Phải trả người bán (tiếp theo)****13.2 Các khoản phải trả người bán dài hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH XDDD và CN Delta	18.027.503.185	18.027.503.185	19.773.253.570	19.773.253.570
Phải trả cho đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	18.027.503.185	18.027.503.185	19.773.253.570	19.773.253.570

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**14.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2019
Thuế giá trị gia tăng	4.271.262.326	13.479.719.950	14.364.141.730	3.386.840.546
Thuế tiêu thụ đặc biệt	18.223.522	256.418.869	273.657.760	984.631
Thuế xuất, nhập khẩu	-	919.423.153	919.423.153	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.484.281.882	2.446.987.999	2.048.500.380	2.882.769.501
Thuế thu nhập cá nhân	290.762.466	2.633.161.780	2.647.806.715	276.117.531
Thuế tài nguyên	9.750.000	59.200.000	68.950.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.322.500.064	75.104.652.061	68.890.551.195	15.536.600.930
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	2.685.670.342	416.851.809	179.791.507	2.922.730.644
Cộng	19.082.450.602	95.321.415.621	89.397.822.440	25.006.043.783

14.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2019	01/01/2019
Thuế GTGT nộp thừa	201.031.501	1.915.677.921
Thuế TNDN nộp thừa	90.671.062	1.121.095
Thuế TNCN nộp thừa	14.700.602	44.479.627
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.335.252	10.967.000
Các loại thuế khác	851.218.298	757.380.387
Cộng	1.173.956.715	2.729.626.030

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. Vay và nợ thuế tài chính

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	3.447.878.856	3.447.878.856	3.958.929.802	970.974.130	459.923.184
Nguồn vốn huy động từ các đơn vị	1.920.747.010	1.920.747.010	19.379.806	50.000.000	1.951.367.204
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	11.052.678.483	29.972.928.955	18.920.250.472
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	210.568.232.350	210.568.232.350	247.893.832.350	241.327.322.021	204.001.722.021
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	-	-	29.365.022.028	29.365.022.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 1	-	-	36.548.335.690	65.642.728.874	29.094.393.184
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 4	-	-	55.158.480.438	66.147.399.361	10.988.918.923
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 3	8.668.969.351	8.668.969.351	24.416.077.868	15.747.108.517	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	14.871.356.720	14.871.356.720
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	61.868.018.202	61.868.018.202	89.558.711.132	45.694.418.578	18.003.725.648

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. Vay và nợ thuế tài chính

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	395.010.000	395.010.000	17.111.316.239	116.135.257.052	99.418.950.813	99.418.950.813
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	42.104.135.015	42.104.135.015	108.914.718.804	86.447.673.051	19.637.089.262	19.637.089.262
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	-	-	8.046.749.686	8.046.749.686	8.046.749.686
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	19.229.608.432	19.229.608.432	34.197.553.579	35.098.608.589	20.130.663.442	20.130.663.442
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm	2.669.065.290	2.669.065.290	5.795.965.460	3.126.900.170		
Các cá nhân	-	-	33.608.083	2.430.296.294	2.396.688.211	2.396.688.211
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Hà Nội	125.654.800.000	125.654.800.000	175.070.809.000	49.416.009.000		
Vay cá nhân - Nguồn vốn huy động	24.725.559.024	24.725.559.024	10.321.182.454	14.781.006.589	29.185.383.159	29.185.383.159
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở Hà Nội	15.920.000.000	15.920.000.000	97.459.682.336	141.463.360.400	59.923.678.064	59.923.678.064
Ngân hàng TMCP Tiên phong - Hội sở Hà Nội	43.250.000.000	43.250.000.000	112.964.800.000	78.435.956.572	8.721.156.572	8.721.156.572
Ngân hàng TMCP SHB -Phòng giao dịch Lạc Long Quân	72.278.000.000	72.278.000.000	112.453.000.000	142.951.874.540	102.776.874.540	102.776.874.540
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	6.049.000.000	92.199.000.000	86.150.000.000	86.150.000.000

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHON LỘC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	33.186.170.000	33.186.170.000	33.186.170.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	15.861.361.250	15.861.361.250	35.036.850.500	45.180.151.250	26.004.662.000	26.004.662.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	60.508.390.580	60.508.390.580	105.078.032.806	143.829.282.186	99.259.639.960	99.259.639.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	27.000.000.000	27.000.000.000	52.969.795.224	25.969.795.224		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hà Nội	7.535.868.280	7.535.868.280	7.535.868.280	-		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	10.003.437.650	10.003.437.650	10.003.437.650
Đối tượng khác	30.697.417.589	30.697.417.589	39.109.183.935	48.211.740.809	39.799.974.463	39.799.974.463
Cộng	781.303.061.229	781.303.061.229	1.395.707.792.269	1.586.702.528.246	972.297.797.206	972.297.797.206
Vay dài hạn						
Phạm Thị Hiền	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	271.518.668	271.518.668	-	76.200.000	347.718.668	347.718.668
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.259.905.604	4.259.905.604	-	473.322.846	4.733.228.450	4.733.228.450
Đối tượng khác	18.832.153.730	18.832.153.730	11.541.097.175	7.827.099.614	15.118.156.169	15.118.156.169
Cộng	24.363.578.002	24.363.578.002	11.541.097.175	8.376.622.460	21.199.103.287	21.199.103.287

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****16. Chi phí phải trả**

	30/06/2019	01/01/2019
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>		
Chi phí thường xuyên	21.327.193.711	3.349.808.362
Cộng	21.327.193.711	3.349.808.362
<i>Chi phí phải trả dài hạn</i>		
Lãi trả chậm Công ty TNHH XDDD và CN Delta	8.919.671.660	8.919.671.660
Cộng	8.919.671.660	8.919.671.660

17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2019	01/01/2019
<i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>		
- Doanh thu nhận trước	18.231.920.309	10.831.529.252
Cộng	18.231.920.309	10.831.529.252
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>		
- Doanh thu nhận trước	74.212.221.674	76.048.667.678
Cộng	74.212.221.674	76.048.667.678

18. Phải trả khác

	30/06/2019	01/01/2019
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	10.000.000	-
- Kinh phí công đoàn;	325.995.102	175.893.837
- Bảo hiểm xã hội;	563.127.356	759.560.180
- Bảo hiểm y tế	402.144.111	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	182.268.102	-
- Phải trả về cổ phần hoá;	9.637.932	64.794.296.200
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.029.765.000	-
- Phải thu khác	1.168.804.594	-
- Công ty TNHH XD và Đầu tư Dịch vụ thương mại Hồng Ngọc	22.508.516.474	87.508.516.474
- Chi cục thuế huyện Gia Lâm	20.429.624.719	48.431.347.394
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.778.637.547	73.305.262.053
Cộng	57.408.520.937	274.974.876.138
<i>Phải trả dài hạn khác</i>		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh 10B Trảng Thi - Công ty CP TM Nguyễn Kim	112.710.920.478	112.710.920.478
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.230.809.079	22.165.569.483
Cộng	135.941.729.557	134.876.489.961

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng			
Số dư đầu năm trước		2.200.000.000.000		8.139.599.406		207.539.135		12.986.788.222		215.465.610.929		4.622.259.692		(29.717.434.430)		2.411.704.362.954	
Tăng vốn năm trước		-		-		-		-		-		-		-		-	
Lãi trong năm trước		-		-		-		-		2.441.126.123		-		15.332.346.652		17.773.472.775	
Tăng khác		-		-		-		-		4.679.584.400		29.478.946		-		4.709.063.346	
Lỗ trong năm trước		-		-		-		-		-		-		-		-	
Phân phối các quỹ		-		-		-		-		-		-		-		-	
Giảm khác		-		(3.656.097.299)		(207.539.135)		-		-		-		-		-	
Số dư cuối năm trước		2.200.000.000.000		4.483.502.107		-		12.986.788.222		222.586.321.452		4.651.738.638		(18.275.847.980)		2.426.432.502.439	
Tăng vốn trong kỳ		-		-		-		-		-		-		-		-	
Lãi trong kỳ nay		-		-		-		-		4.556.352.027		-		15.699.588.758		20.255.940.785	
Tăng khác		-		-		90.121.769		7.850.953.344		-		-		-		7.941.075.113	
Lỗ trong kỳ nay		-		-		-		-		-		-		-		-	
Phân phối các quỹ		-		-		-		-		-		-		-		-	
Giảm khác		-		-		-		-		-		-		-		-	
Số dư cuối kỳ		2.200.000.000.000		4.483.502.107		90.121.769		20.837.741.566		209.577.552.145		4.186.657.116		(40.614.159.959)		2.398.561.414.744	

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ	30/06/2019
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	65%	1.430.000.000.000
Công ty TNHH TM Ô tô Thành Công	12,53%	275.660.000.000
Công ty TNHH TM ĐT và XNK An Phú	14,48%	318.560.000.000
Các Cổ đông khác	7,99%	175.780.000.000
Tổng cộng	100%	2.200.000.000.000

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	220.000.000	220.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	220.000.000	220.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	220.000.000	220.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	220.000.000	220.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	10.000	10.000

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	30/06/2019	01/01/2019
Quỹ đầu tư phát triển	4.186.657.116	4.651.738.638
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	90.121.769	-

20. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

	30/06/2019	01/01/2019
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	20.837.741.566	12.986.788.222
Cộng	20.837.741.566	12.986.788.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.420.962.253.525	2.478.865.717.272
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.420.962.253.525	2.478.865.717.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.314.481.359	12.188.992.200
Chiết khấu thương mại	11.875.301.634	499.524.301
Giảm giá hàng bán	8.960.866	472.396.190
Hàng bán bị trả lại	5.430.218.859	11.217.071.709
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.403.647.772.166	2.466.676.725.072

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.211.161.730.426	2.229.234.691.939
Cộng	1.211.161.730.426	2.229.234.691.939

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.838.290.972	28.414.229.857
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.251.848.397	15.968.595.019
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.067.710.427	3.666.962.680
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	296.253.334	475.907.184
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.766.573.558	6.868.326
Cộng	46.220.676.688	48.532.563.066

24. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Lãi tiền vay	29.642.212.069	35.492.273.466
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	43.041.641	60.648.485
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.872.276.353	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	3.506.620.881
Chi phí tài chính khác	89.834.017	16.499
Cộng	36.647.364.080	39.059.559.331

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09 - DN/HN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	27.303.879.393	31.205.059.872
Chi phí vật liệu bao bì	4.319.940.176	624.509.794
Chi phí dụng cụ đồ dùng	4.352.086.712	565.397.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.150.049.211	6.097.392.813
Thuế, phí và lệ phí	5.975.155.434	7.479.666.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.411.443.882	16.344.600.083
Chi phí khác bằng tiền	8.801.165.690	41.711.359.562
Cộng	96.313.720.498	104.027.985.620

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Chi phí nhân viên	35.144.362.345	39.277.889.466
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	965.530.225	12.951.003.964
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.295.065.167	2.501.485.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.664.332.113	3.048.084.234
Thuế Phí lệ phí	6.003.429.557	-
Chi phí dự phòng	965.835.589	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.931.205.431	53.878.639.220
Chi phí khác bằng tiền	20.480.631.984	17.870.372.754
Cộng	85.450.392.411	129.527.475.299

26. Thu nhập khác và chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Thu nhập khác	5.980.077.648	8.630.296.140
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	214.072.727	-
- Các khoản khác	5.766.004.921	8.630.296.140
Chi phí khác	703.008.360	4.812.602.093
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	74.898.593	-
- Các khoản khác	628.109.767	4.812.602.093
Lợi nhuận khác	5.277.069.288	3.817.694.047

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****27.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.419.706.354	1.760.465.234
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	4.419.706.354	1.760.465.234

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.699.588.758	12.775.866.318
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	15.699.588.758	12.775.866.318
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	220.000.000	220.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71,36	58,07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

B 09a - DN/HN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Công cụ tài chính

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường

- Rủi ro tín dụng

- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên n

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân bổ tiền vào các khoản tiền gửi ngắn hạn trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phân loại sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2019	786.369.832.495	294.856.971.135	1.081.226.803.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.312.856.302	-	126.312.856.302
Phải thu khách hàng	311.985.626.638	12.260.204.730	324.245.831.368
Đầu tư	212.706.075.093	280.428.370.027	493.134.445.120
Phải thu khác	135.365.274.462	2.168.396.378	137.533.670.840
Trừ:	(2.158.000.014)	(121.335.382)	(2.279.335.396)
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.158.000.014)	(121.335.382)	(2.279.335.396)
Tổng cộng	784.211.832.481	294.735.635.753	1.078.947.468.234
Các khoản vay và nợ	781.303.061.229	24.363.578.002	805.666.639.231
Phải trả người bán	76.122.770.047	18.027.503.185	94.150.273.232
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	78.735.714.648	144.861.401.217	223.597.115.865
Tổng cộng	936.161.545.924	187.252.482.404	1.123.414.028.328
Chênh lệch thanh khoản thuần	(151.949.713.443)	107.483.153.349	(44.466.560.094)

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2019	1.061.151.085.924	342.774.051.071	1.403.925.136.995
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.765.595.328	-	224.765.595.328
Phải thu khách hàng	418.266.796.936	14.480.287.365	432.747.084.301
Đầu tư	283.041.328.767	326.044.784.206	609.086.112.973
Phải thu khác	135.077.364.893	2.248.979.500	137.326.344.393
Trừ:	(200.000.000)	(96.335.382)	(296.335.382)
Dự phòng phải thu khó đòi	(200.000.000)	(96.335.382)	(296.335.382)
Tổng cộng	1.060.951.085.924	342.677.715.689	1.403.628.801.613
Các khoản vay và nợ	972.297.797.206	21.199.103.287	993.496.900.493
Phải trả người bán	91.200.441.939	19.773.253.570	110.973.695.509
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	278.324.684.500	143.796.161.621	422.120.846.121
Tổng cộng	1.341.822.923.645	184.768.518.478	1.526.591.442.123
Chênh lệch thanh khoản thuần	(280.871.837.721)	157.909.197.211	(122.962.640.510)

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Chỉ số thanh khoản thuần đã có cải thiện rất nhiều so với kỳ trước.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3 Công cụ tài chính

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản Đầu tư tài chính vào đơn vị khác	212.706.075.093	283.041.328.767	212.706.075.093	283.041.328.767
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.428.370.027	326.044.784.206	(*)	(*)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	461.779.502.208	570.073.428.694	421.619.527.307	524.359.603.228
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.312.856.302	-	(*)	(*)
Tổng cộng	1.081.226.803.630	224.765.595.328	126.312.856.302	224.765.595.328
Nợ phải trả tài chính		1.403.925.136.995	(*)	(*)
Vay và nợ				
Phải trả người bán	805.666.639.231	993.496.900.493	805.666.639.231	993.496.900.493
Phải trả khác	94.150.273.232	110.973.695.509	94.150.273.232	110.973.695.509
Tổng cộng	223.597.115.865	422.120.846.121	223.597.115.865	422.120.846.121
	1.123.414.028.328	1.526.591.442.123	1.123.414.028.328	1.526.591.442.123

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 2/10/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu) CHỈ TIÊU

	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	1.061.528.600.743	359.433.652.782	1.420.962.253.525
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.314.481.359	-	17.314.481.359
Giá vốn hàng bán	882.185.196.244	328.976.534.182	1.211.161.730.426
Lợi nhuận gộp	162.028.923.140	30.457.118.600	192.486.041.740

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn, bán lẻ sản phẩm dịch vụ, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 29/06/2018, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Thông tin các bên liên quan**Bên liên quanMối quan hệ

Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - miễn nhiệm ngày 12/04/2019
Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Vũ Thanh Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thái Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm ngày ngày 25/04/2019
Nguyễn Tiến Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hải Thanh	Phó Tổng Giám đốc - miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Đinh Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Dương Thị Lam	Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần PTTM Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	Công ty liên kết
Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần TM Miền núi Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần TMĐT Long Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK	Công ty liên kết
Điều Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Công ty liên kết
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Cùng công ty mẹ

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	560.000.000
Ban Tổng giám đốc - Lương và thu nhập khác	2.011.525.000
Cộng	2.571.525.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN***Giao dịch với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 28/06/2018
<i>Bán hàng</i>		<i>4.944.550.334</i>	<i>8.884.342.977</i>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Bán hàng	508.644.997	1.128.763.261
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Bán hàng	200.084.247	194.461.915
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	Bán hàng	236.201.222	2.518.864.235
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Bán hàng	111.665.608	17.965.454
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	Bán hàng	2.371.514.265	3.543.943.360
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Bán hàng	27.273.973	27.347.222
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Bán hàng	193.749.158	79.197.819
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	Bán hàng	1.295.416.864	1.373.799.711
<i>Mua hàng</i>		<i>8.623.192.009</i>	<i>11.343.706.173</i>
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Mua hàng	1.522.007.723	2.004.522.239
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Mua hàng	1.067.267.671	837.862.753
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	Mua hàng	6.033.916.615	8.501.321.181

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<i>I. Phải thu khách hàng</i>	<i>100.532.918.379</i>	<i>98.096.430.229</i>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	28.911.077.164	28.385.421.785
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty cổ phần thông tin Hapro	19.475.981	15.467.645
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	59.264.016.743	57.410.546.510
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	158.472.224	131.198.251
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	4.336.379.248	4.403.092.924
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	238.000.000	238.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	19.429.773	13.562.500
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	782.942.922	696.016.290

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (Tiếp theo)**B 09a - DN/HN**

Các bên có liên quan	30/06/2019	01/01/2019
II. Phải thu về cho vay ngắn hạn	90.168.217.467	97.571.954.359
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	69.642.263.108	77.046.000.000
III. Phải trả người bán	2.667.373.050	2.667.373.050
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	2.667.373.050	2.667.373.050
III. Trả trước cho người bán	53.701.909.706	48.633.823.074
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng thương mại Hà Nội	3.028.448.670	291.876.303
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	73.236.660	113.236.660
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	28.506.961.465	28.506.961.465
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	22.093.262.911	19.721.748.646
IV. Phải thu khác	7.601.161.388	7.601.161.388
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	7.601.161.388
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	1.100.795.813	1.100.795.813

6 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/06/2018 chưa được kiểm toán. Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán.

7. Thông tin khác

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đăng ủy khối Doanh nghiệp nhà nước.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THU HẰNG

ĐINH HỒNG QUANG

VŨ THANH SƠN